

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/DS-ST

Ngày: 25-4-2025.

V/v “**Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản**”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Hùng, ông Lê Thanh Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “**Hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần A; địa chỉ: Số 128 đường Nguyễn Duy, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông A1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp TH, xã TĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh. (Yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm: 1986; cư trú tại: Ấp C, xã AT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/3/2021, bà Ngô Thị L cầm cố tài sản để vay số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng phục vụ tiêu dùng, theo Hợp đồng cầm cố tài sản số

TIM210301008NA14X tại Công ty Cổ phần A - Chi nhánh Tây Ninh 2 – TB (sau đây gọi tắt là Công ty).

Để đảm bảo khoản vay, Công ty nhận cầm cố của bà L 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Blade, biển số 70C1-151.41, màu đen, số khung: 3613EY030055; số máy: JA36E0098052, do Công an huyện Bến Cầu cấp cho bà Ngô Thị L. Thời hạn cầm cố là 12 tháng (kể từ ngày 30/3/2021 đến ngày 30/3/2022), lãi suất cố định là 1,1%/tháng; phí thẩm định tài sản là 4%/tháng theo dư nợ thực tế từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Tài sản cầm cố đã được đăng ký giao dịch đảm bảo Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm (Hệ thống đăng ký trực tuyến, số 1410664576).

Cùng ngày 30/3/2021, Công ty cho bà Ngô Thị L mượn lại xe đã cầm cố với thời hạn 30 ngày (kể từ ngày 30/3/2021 đến hết ngày 30/4/2021). Công ty giao xe cho bà Ngô Thị L quản lý sử dụng, Công ty giữ lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe số 002628 ngày 16/7/2015.

Khi thực hiện hợp đồng, bà L đã thanh toán cho Công ty số tiền 1.147.000 đồng. Từ ngày 30/6/2021 đến nay, bà L không thực hiện nghĩa vụ, công ty đã liên hệ nhiều lần nhưng bà L không phản hồi.

Nay Công ty khởi kiện yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 21/11/2024 số tiền là 14.489.544 đồng. Trong đó:

- + Tiền gốc là 4.368.926 đồng;
- + Tiền lãi cố định 1,1% là 1.970.386 đồng;
- + Tiền lãi quá hạn 0,5% là 985.193 đồng;
- + Phí thẩm định tài sản trên dư nợ thực tế là 7.165.039 đồng;

Ngày 05/3/2025, Công ty có bản tự khai; ngày 11/4/2025 có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện; theo đó, nguyên đơn xin rút lại các yêu cầu sau đây: yêu cầu đối với lãi cố định, số tiền 1.393.688 đồng; yêu cầu đối với phí thẩm định tài sản, số tiền 7.165.039 đồng. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với: tiền gốc 4.368.926 đồng; tiền lãi quá hạn 1.105.383 đồng; tiền lãi cố định 576.698 đồng. Tổng cộng là 6.051.007 đồng.

Tuy nhiên, Công ty chỉ yêu cầu bà L trả 6.000.000 đồng và tiền lãi cho đến khi hoàn trả hết nợ theo hợp đồng cầm cố đã ký kết.

- *Bị đơn bà Ngô Thị L:* Đã được cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

* *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những

người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 309, 313, 463, 468, 470, 494, 496, 499 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với bà Ngô Thị L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Ngô Thị L có nghĩa vụ trả lại cho Công ty số tiền đã vay là 6.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận ngày 30/3/2021 giữa bà L với Công ty.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với số tiền lãi cố định 1.393.688 đồng; yêu cầu đối với phí thẩm định tài sản, số tiền 7.165.039 đồng.

+ Công ty Cổ phần A có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị L một Giấy chứng nhận đăng ký xe số 002628 ngày 16/7/2015 khi bà L thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền cho Công ty.

+ Về án phí: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Công ty Cổ phần A nhận cầm cố tài sản là xe máy của bà Ngô Thị L để cho vay tiền, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

[2] Về tố tụng: Bà L có nơi cư trú tại xã An Thạnh, huyện Bến Cầu; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần A yêu cầu bà Ngô Thị L trả cho Công ty số tiền đã vay là 6.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo Hợp đồng cầm cố ngày 30/3/2021.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty cung cấp Hợp đồng cầm cố, Phiếu chi và Giấy mượn xe ngày 30/3/2021 có chữ ký của bà Ngô Thị L, Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm và các tài liệu có liên quan.

[3.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập

được các tài liệu chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà L nhưng bà L không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là bà L đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Do đó có căn cứ cho rằng Hợp đồng cầm cố số TIM210301008NA14X ghi ngày 30/3/2021, Phụ lục hợp đồng cầm cố, các tài liệu có liên quan và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Công ty về việc bà L chưa thanh toán xong tiền nợ gốc, nợ lãi cho Công ty là có thật.

[3.3] Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có Ngay, buộc bà L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền gốc là 4.368.926 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.105.383 đồng, tiền lãi cố định là 576.698 đồng. Tuy nhiên công ty chỉ yêu cầu bà L trả đủ 6.000.000 đồng nên HĐXX ghi nhận.

[4] Ngày 11/4/2025 Công ty có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối yêu cầu lãi cố định, số tiền 1.393.688 đồng; phí thẩm định tài sản, số tiền 7.165.039 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện.

[5] Đối với tài sản cầm cố: Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 30/3/2021 đối với tài sản 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Blade, biển số 70C1-151.41, màu đen, số khung: RLHJA3613EY030055; số máy: JA36E0098052, do Công an huyện Bến Cầu cấp cho bà Ngô Thị L đã được đăng ký giao dịch đảm bảo Cục đăng ký Quốc gia giao dịch bảo đảm (Hệ thống đăng ký trực tuyến, số 1410664576) nên có giá trị pháp lý.

Trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Sawad Tiền Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA Blade, biển số 70C1-151.41, màu đen, số khung: 3613EY030055; số máy: JA36E0098052 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì bà L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo Điều 307 của BLDS năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309, 311, 314, 315, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Ngô Thị L.

Buộc bà Ngô Thị L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần A số tiền 6.0000.000 (sáu triệu) đồng.

Bà Ngô Thị L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền dư nợ kể từ sau ngày xét xử (xét xử ngày 25/4/2025) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng do các bên xác lập.

Công ty Cổ phần A có nghĩa vụ trả lại giấy tờ liên quan đến tài sản cầm cố cho bà Ngô Thị L khi bà L thanh toán đủ số tiền nêu trên cho Công ty.

Trường hợp, bà Ngô Thị L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi xe máy hãng HONDA Blade, biển số 70C1-151.41, màu đen, số khung: RLHJA3613EY030055; số máy: JA36E0098052 do Công an huyện Bến Cầu cấp cho bà Ngô Thị L ngày 16/7/2015 để thu hồi nợ.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A đối với bà Ngô Thị L về một phần lãi cố định và phí thẩm định tài sản.

3. Án phí:

- Buộc bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0012468 ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA. TAND tỉnh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu bộ phận;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Oanh